

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HS-ST

Ngày 27 tháng 10 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nụ và bà Nguyễn Thị Thêu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Kỳ Ánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023, đối với:

1. *Bị cáo:* Phạm Văn T, sinh ngày 10/10/1977 tại Nam Định; nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; vợ là Đoàn Thị T3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1996, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; năm 2018, bị Công an quận G, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh trái phép; bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Anh Phan Đức T4, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

2.2. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1963; nơi cư trú: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/4/2023, Phạm Văn T ký hợp đồng thuê anh Phan Đức T4 02 tàu thủy nội địa, gồm: Tàu số hiệu NĐ2972 và NĐ2841 với giá thuê ký kết hợp đồng là 80.000.000 đồng/1 tháng/2 tàu. Thời hạn thuê 03 năm từ 01/5/2023 – 01/5/2026. Khi thuê T thỏa thuận với anh T4 sử dụng tàu vào việc khai thác cát tại mỏ cát được cơ quan quản lý cho phép để vận chuyển bán cho các bến bãi.

Đầu tháng 5/2023, do có lần đi qua khu vực sông H thuộc địa phận thôn Đ, xã B, huyện K, bị cáo quan sát thấy khu vực này vắng vẻ, dễ thực hiện việc khai thác cát trái phép dưới lòng sông để bán kiếm lời nên bị cáo T đã thuê người làm việc trên 02 tàu. Tàu NĐ2841, bị cáo thuê anh Trần Văn T5 (lái tàu), anh Phạm Văn C, anh Trịnh Văn V, anh Bùi Văn S. Anh T5 phân công cho anh Chu thả neo, tời neo, xới cát và nổ máy ở 2 đầu nổ, anh S thả ống hút, nổ máy ở 01 đầu nổ, anh V thả ống hút, xới cát lên tàu và lên bãi chứa cát. Tàu NĐ2972 thuê anh Đoàn Văn Đ (lái tàu), anh Đỗ Văn Đ1, anh Nguyễn Văn R làm việc. Anh Đ phân công anh Điệp vận hành máy nổ, cắm ống hút cát, đưa ống bơm cát đến bãi, xới cát; anh R thả neo, xới cát và phụ công việc cho anh Đ, anh Đ1. Bị cáo T thỏa thuận trả tiền công cho những người làm thuê tàu NĐ2972 là 1.600.000 đồng/01 chuyến và tàu NĐ2841 là 1.800.000 đồng/01 chuyến. Các tàu sẽ tự chịu chi phí sinh hoạt và tự chia nhau tiền công. Hai tàu tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do bị cáo T chỉ đạo độc lập và không liên quan đến nhau.

Từ ngày 21/5/2023 đến ngày 27/5/2023, bị cáo T chỉ đạo 07 người sử dụng 02 tàu NĐ2972 và NĐ2841 khai thác cát trái phép dưới lòng sông Hồ N thuộc thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

- Tàu NĐ2972, từ ngày 21/5/2023 đến ngày 26/5/2023 khai thác mỗi ngày 01 chuyến, mỗi chuyến khai thác được 370m³ cát, tổng khai thác trong 06 ngày là: 2.220m³ cát đen. Bị cáo đem số cát trên bán cho ông Vũ Văn H với giá 70.000

đồng/m³ cát, thành tiền là 155.400.000 đồng nhưng ông H chưa thanh toán tiền. Khi mua ông H không hỏi T về nguồn gốc số cát này và bị cáo cũng không nói cho ông H biết nguồn gốc số cát này. Ông H đã bán lẻ 1920m³ cát cho người dân với giá 90.000 đồng/m³, không có hoá đơn nên không biết bán cho ai, còn lại 300m³ cát trên bãi.

- Tàu NĐ2841, từ ngày 21/5/2023 đến ngày 26/5/2023 khai thác mỗi ngày 01 chuyến, mỗi chuyến 400m³ cát đen, tổng khối lượng 05 ngày khai thác là 2.000m³ cát đen. Số cát này bị cáo T chỉ đạo bơm vào ao đã bỏ hoang ở xóm A, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định chờ để bán.

Đến 03 giờ 30 phút ngày 27/5/2023, khi tàu NĐ2841 đang khai thác cát trái phép tại vị trí có hệ toạ độ X:2247089.455 – Y:596084.615 được 354,07m³, tàu NĐ2972 khai thác cát trái phép tại vị trí có hệ toạ độ X2246986.595-Y=596208.359 được 181,67m³ thì bị Tổ công tác Công an huyện T, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Tổng khối lượng cát bị cáo T đã khai thác trái phép 4.755,74m³ cát đen, trị giá 722.872.480 đồng.

Kết luận giám định PTGD/17-2023 ngày 07/6/2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất phân tích giám định – Cục Đ2, kết luận: “04 mẫu giám định M1, M2, M3, M4 là khoáng sản. Khoáng sản là cát dùng làm vật liệu xây dựng thông thường”.

Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 16/6/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình kết luận: “Giá của 1m³ cát đen dùng trong xây dựng tại huyện K là 152.000 đồng/1m³”.

Cáo trạng số 61/CT-VKSTB ngày 13/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1

Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 30 tháng.

Do bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị chuyển 01 quyển sổ ghi chép số lượng cát khai thác của bị cáo là chứng cứ chứng minh để lưu hồ sơ vụ án; tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 181,67m³ cát trên tàu NĐ2972, 354,07m³ trên tàu NĐ2841 (hiện đang gửi trên bãi vật liệu xây dựng của anh Đặng Văn K ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; 2000m³ cát tại ao hoang xóm A, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định và 300m³ cát tại bãi nhà ông Vũ Văn H; trả lại anh Phan Đức T4 02 tàu vỏ sắt mang số hiệu NĐ2972 và NĐ2841, cùng các giấy tờ liên quan: Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước phương tiện thủy nội địa số TT004353 của tàu NĐ2841; 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 022/ĐK ngày 28/01/2015 của tàu NĐ2841; 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa tàu NĐ2841; 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 104/ĐK ngày 19/5/2016 của tàu NĐ2972; 02 giấy mua bán của 02 tàu NĐ2972 và NĐ2841. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000 đồng bị cáo Phạm Văn T đã nộp tiền khắc phục hậu quả theo biên lai số 0002494 ngày 11/9/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền 91.840.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo T không tranh luận gì và nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, tự nguyện nộp số tiền lớn để khắc phục hậu quả, nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo, rèn luyện bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi,

quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Phạm Văn T không được cấp phép khai thác tài nguyên (cát) của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng trong thời gian từ ngày 21/5/2023 đến ngày ngày 27/5/2023, bị cáo T có hành vi sử dụng 02 tàu và thuê 07 người làm để khai thác trái phép 4.755,74m³ cát đen, trị giá 722.872.480 đồng tại khu vực lòng sông H thuộc địa phận thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Bị cáo T đã khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu, các bản kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi khai thác trái phép tài nguyên trên sông H của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác tài nguyên, gây ra những hậu quả nặng nề đối với môi trường, hệ sinh thái nguồn tài nguyên thiên nhiên và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh trật tự. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Điều 227 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...b, Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng...”*. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả đối với số lượng cát bị cáo đã bán cho ông H, nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị

cáo có trình độ văn hoá thấp nên nhận thức về hậu quả hành vi phạm tội của mình còn hạn chế, lần đầu thực hiện hành vi khai thác tài nguyên trái phép, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặc dù, bị cáo có nhân thân xấu, có một bản án về tội “Trộm cắp tài sản công dân” nhưng đã xảy ra từ 27 năm trước và 01 quyết định xử phạt hành chính nhưng đã được xoá án tích. Do đó, xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 2220m³ cát đen, bị cáo đã bán cho ông Vũ Văn H, ông H đã bán lẻ 1.920m³, theo kết luận định giá, có giá trị là 1.920m³ x 152.000 đồng = 291.840.000 đồng, bị cáo đã nộp 200.000.000 đồng khắc phục hậu quả, vì vậy buộc bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền 91.840.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 02 tàu vỏ sắt mang số hiệu NĐ2972 và NĐ2841 và các giấy tờ liên quan đến 02 tàu trên là tài sản hợp pháp của anh Phan Đức T4, anh T4 cho bị cáo T thuê tàu nhưng không biết bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên trả lại 02 tàu trên cho anh Phan Đức T4. Đối với 181,67m³ cát trên tàu NĐ2972, 354,07m³ trên tàu NĐ2841 (hiện đang gửi trên bãi vật liệu xây dựng của anh Đặng Văn K ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; 2000m³ cát tại ao hoang xóm A, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định và 300m³ cát tại bãi cát của ông Vũ Văn H là tài sản do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. 01 quyển sổ ghi chép số lượng khai thác cát của bị cáo T là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên chuyển lưu hồ sơ vụ án.

[5] Các vấn đề khác trong vụ án: Đối với anh Phan Đức T4 là người cho bị cáo thuê tàu nhưng anh T4 không biết bị cáo T sử dụng 02 tàu thuê của mình để khai thác cát trái phép nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T4 là đúng pháp luật. Đối với ông Vũ Văn H là người mua cát của bị cáo T không biết là cát do bị cáo khai thác trái phép nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông H là đúng pháp luật. Đối với anh Trần Văn T5, anh Phạm Văn C, anh Trịnh Văn V, anh Bùi Văn S, anh Đoàn Văn Đ, anh Đỗ Văn Đ1, anh Nguyễn Văn R là những

người làm thuê cho bị cáo T, không được bị cáo T bàn bạc, thống nhất và nói cho biết việc khai thác cát trái phép nhưng sau một thời gian khai thác những người này đều nghĩ việc khai thác cát cho T là trái phép, giá trị cát do tàu NĐ2841 khai thác là 357.818.640 đồng và giá trị cát do tàu NĐ2972 khai thác là 365.053.840 đồng nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh T ban hành Công văn số 1192 ngày 28/8/2023, đề nghị Công an huyện K ra Quyết định xử phạt hành chính đối với những người này về hành vi khai thác cát trái phép là đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/10/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000 đồng bị cáo Phạm Văn T đã nộp tiền khắc phục hậu quả theo biên lai số 0002494 ngày 11/9/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền 91.840.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 01 quyển sổ ghi chép số lượng cát khai thác của bị cáo T để lưu hồ sơ vụ án. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 181,67m³ cát trên tàu NĐ2972, 354,07m³ trên tàu NĐ2841 (hiện đang gửi trên bãi vật liệu xây dựng của anh Đặng Văn K ở thôn T, xã N,

huyện T, tỉnh Thái Bình, 2000m³ cát tại ao hoang xóm A, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định và 300m³ cát tại bãi cát của ông Vũ Văn H, tại địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định. Trả lại anh Phan Đức T4 02 tàu vỏ sắt mang số hiệu NĐ2972 và NĐ2841, cùng các giấy tờ liên quan gồm: Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước phương tiện thủy nội địa số TT004353 của tàu NĐ2841; 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 022/ĐK ngày 28/01/2015 của tàu NĐ2841; 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa tàu NĐ2841; 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 104/ĐK ngày 19/5/2016 của tàu NĐ2972; 02 giấy mua bán của 02 tàu NĐ2972 và NĐ2841.

Các vật chứng này có đặc điểm mô tả chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng và đã được chuyển đến Cục thi hành án tỉnh Thái Bình theo Quyết định chuyển vật chứng số 47/QĐ-VKS-P1 ngày 13/9/2023.

4. Án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/10/2023.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

